

**TÒA PHÚC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2025/HSPT  
Ngày: 15-12-2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà **Võ Thị Ngọc Dung**.

*Các thẩm phán:*

**ông Lê Văn Thường**

**ông Đinh Phước Hòa**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi, xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo **Đinh Ngọc L1** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HSST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

**Đinh Ngọc L1**, sinh năm 1967 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: **H Hồ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là H Hồ X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi)**; Nơi ở: **121 H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là A H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi)**; Nghề nghiệp: **Buôn bán**; Căn cước công dân số: **064067000361** do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 03/4/2021; Trình độ học vấn: **09/12**; Con ông **Đinh Ngọc L2** (đã chết) và bà **Lâm Thị P** (đã chết); Có vợ là **Trần Thị H**, sinh năm 1970 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2024 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn Q, Luật sư Công ty L5; địa chỉ: Số G B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Số G B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014, Đinh Ngọc L1 làm nghề kinh doanh buôn bán hàng nông sản. Đến năm 2016 bị cáo làm thủ tục đăng kí hộ kinh doanh tại địa điểm 121 đường H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, ngành nghề kinh doanh: Bán buôn đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu (L3, bát nhang, các đồ mỹ nghệ trang trí và đồ dùng thờ cúng).

Để có tiền kinh doanh bị cáo nhiều lần vay tiền của bà L4 có trả lãi suất (lãi suất thỏa thuận từ 1.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 1.300 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất từ 36,5%/01 năm đến 47,45%/01 năm). Mỗi lần vay mượn bị cáo đều trả đầy đủ tiền lãi và gốc sau đó mới vay lại và cứ tiếp tục nhiều lần vay mượn. Từ năm 2016 đến đầu năm 2019 việc vay mượn giữa bị cáo và bà L4 đều viết giấy vay tiền với nhau và sau khi trả xong thì huỷ giấy vay tiền. Năm 2019 bị cáo bắt đầu ghi chép lại việc vay tiền với bà L4 vào 01 cuốn sổ. Cũng từ thời gian này việc kinh doanh buôn bán của bị cáo L1 liên tiếp bị thua lỗ. Theo Công văn trả lời của Chi cục thuế khu vực số 02 ngày 12/12/2024 thể hiện: Hộ kinh doanh Đinh Ngọc L1 thực hiện kê khai thuế theo phương pháp khoán đến năm 2023; thực hiện nghĩa vụ thuế từ năm 2016 - 2023 là 15.948.000 đồng. Trong đó: Thuế GTGT là 9.232.000 đồng; thuế TNCN là 4.616.000 đồng; lệ phí môn bài là 2.100.000 đồng. Để có tiền trả nợ cho bà L4, bị cáo bắt đầu vay tiền của 01 số người khác để trả gốc và lãi cho bà L4. Sau đó lại tiếp tục vay tiền của bà L4 để trả nợ cho những người đã vay. Thời gian này để tạo niềm tin cho bà L4, bị cáo L1 đã đưa ra nội dung và mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại tiền để đáo hạn ngân hàng mục đích là thu lợi nhuận dựa trên chênh lệch lãi suất cho vay. Vì tin tưởng bị cáo sử dụng tiền vay vào mục đích đáo hạn ít rủi ro và có trả lãi nên bà L4 đồng ý cho L1 vay tiền.

Sau khi vay được tiền của bà L4, bị cáo tiếp tục sử dụng những khoản tiền vay này trả nợ cho những người đã vay để trả cho bà L4 như: Bà Đỗ Thị Bích V, bà Nguyễn Thị S, bà Phạm Thị Xuân M.... Tương tự như vay của bà L4, khi vay tiền những người này L1 cũng đưa ra thông tin vay tiền để cho người khác vay đáo hạn để hưởng lợi nhuận từ việc cho vay chênh lệch lãi suất sau đó sử dụng tiền vay của những người này để trả cho bà L4 và những người cho vay khác. Quá trình vay mượn của nhiều người diễn ra liên tục trong khi việc buôn bán kinh doanh lợi nhuận có được không đủ để trả lãi cho các khoản vay và trả tiền

gốc, số tiền lãi từ những khoản vay liên tục phát sinh nên L1 liên tục vay thêm các mối quan hệ vay tiền mới và lại tiếp tục đưa ra thông tin vay tiền để cho người khác vay đáo hạn để hưởng lợi nhuận từ việc cho vay chênh lệch lãi suất để tạo niềm tin đối với việc vay thêm tiền của nhiều người trên địa bàn huyện Đ.

Trước ngày 27/12/2022, L1 nợ bà L4 tổng số tiền là 8.500.000.000 đồng. L1 đã vay tiền của một số người, khi gom đủ số tiền 8,5 tỷ đồng, ngày 27/12/2022, L1 trả hết số tiền này cho bà L4. Sau đó, sáng ngày 28/12/2022, L1 lại tiếp tục đưa ra thông tin cần tiền để cho người khác vay đáo hạn ngân hàng nên đã vay lại bà L4 số tiền 5,8 tỷ đồng. Buổi chiều ngày 28/12/2022, L1 tiếp tục vay thêm bà Trần Thị L4 số tiền 1,9 tỷ đồng với thông tin đưa ra như trên. Sau khi vay được tiền của bà L4, L1 không dùng để kinh doanh làm ăn, cho vay đáo hạn ngân hàng mà sử dụng số tiền 184.800.000 đồng để trả tiền lãi cho bà L4 từ ngày 28/12/2022 đến ngày 20/01/2023 với mức lãi suất 1.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương với mức lãi suất 36,5%/năm; dùng số tiền 1,3 tỷ đồng để trả nợ cho bà Nguyễn Thị S; Số tiền còn lại L1 dùng số tiền này để trả nợ cho những người vay trước đó tuy nhiên trả cho ai, số tiền bao nhiêu thì L1 không nhớ.

Đến ngày 6/2/2023, L1 vay bà Nguyễn Thị K số tiền 2,5 tỷ đồng. Ngày 8/2/2023, L1 tiếp tục vay bà Nguyễn Thị K số tiền 1,5 tỷ đồng và hẹn đến ngày 10/2/2023 trả tiền cho bà K. Đến ngày hẹn, bà K liên tục đòi nợ nhưng L1 không có tiền trả nên khoảng ngày 12,13/2/2023, L1 có thỏa thuận với bà K về việc cần trừ số nợ 4 tỷ đồng bằng bất động sản của L1 nhưng bà K không đồng ý, yêu cầu L1 phải trả tiền. Ngày 12/2/2023 bà K nộp đơn khởi kiện L1 đến Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô để đòi nợ số tiền 4.000.000.000 đồng. Cũng trong khoảng thời gian này dưới áp lực đòi nợ khoản vay mà L1 đã vay của gia đình em trai (ông Đinh Ngọc H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Võ Thị Thu V1) L1 buộc phải cần trừ nợ bằng việc chuyển nhượng hai thửa đất tại đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đến ngày 14/2/2023, bà K biết việc L1 chuyển nhượng bất động sản cho gia đình em trai là Đinh Ngọc H1 và Nguyễn Thị Mỹ D nên bà K làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô phong tỏa tài sản của L1.

Ngày 12/2/2023, bà L4 điện thoại cho L1 yêu cầu ngày 13/2/2023 trả hết tiền nợ cho bà L4 thì hẹn bà L4 đến ngày 15/2/2023 tiền mới về và sẽ trả cho bà L4. Đến ngày 14/2/2023, L1 gọi vợ chồng bà L4 và ông Lâm Thanh T đến nói chuyện, L1 tuyên bố bị vợ nợ không có tiền trả cho bà L4, ông T. Nhưng bà L4 vẫn yêu cầu L1 phải trả nợ cho bà L4. Do không có tiền trả nên L1 đề nghị bà L4 nộp tiền vào Ngân hàng để rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của L1 đang thế chấp tại Ngân hàng V3 ra để chuyển nhượng cho bà L4 cần trừ một phần khoản nợ của bà L4.

Chiều ngày 14/2/2023, ông **Lâm Thanh T** đến **Ngân hàng TMCP C2** – Phòng giao dịch **huyện Đ** nộp vào tài khoản số 86900794473 của bà **Trần Thị H** (vợ ông **L1**) số tiền 1.500.000.000đ nhưng sau đó ngân hàng yêu cầu phải nộp thêm số tiền 300.000.000 đồng mới xuất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo tại **đường H** ra được. Đến khoảng 12 giờ 30 ngày 15/2/2023, bà **Lâm Thị Thuận V2** (con bà **L4**) đến **Ngân hàng TMCP C2** – Phòng giao dịch **huyện Đ** nộp vào tài khoản số 866007628075 của **Đinh Ngọc L1** số tiền 300.730.000đ. Tổng cộng gia đình bà **L4** đã nộp số tiền 1.800.730.000đ. Sau khi nộp tiền xong, **Ngân hàng TMCP C2** - Phòng giao dịch **huyện Đ** xuất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U226465 (thửa đất ở **đường H**) cho **L1**, **L1** đưa cho bà **L4**. Sau đó, bà **Lâm Thị Thuận V2** đến **UBND thị trấn Đ**, **huyện Đ** để liên hệ làm thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì **UBND thị trấn Đ** thông báo thửa đất đã bị phong tỏa nên không công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được. Do đó bà **L4** đã tố giác **L1** có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt bà **L4** số tiền 1.800.730.000đ mà gia đình bà **L4** nộp tiền vào **Ngân hàng TMCP C2**.

Ngoài vay tiền của bà **L4**, do bị áp lực đòi nợ của nhiều chủ nợ nên **L1** liên tục đưa ra thông tin với nhiều người khác, với lý do cho **L1** vay tiền để đáo hạn ngân hàng, để **L1** cho người khác vay đáo hạn ngân hàng, cho vay tiền để trả lãi, vay tiền để làm ăn..., mục đích để họ tin tưởng cho **L1** vay tiền, sau khi vay được tiền của những người bị hại, **L1** dùng để trả nợ, trả lãi cho các chủ nợ, chiếm đoạt số tiền đã vay của những người bị hại. Cụ thể như sau:

Vào khoảng cuối năm 2022 **L1** nhiều lần gọi điện thoại cho ông **A K1** thuyết phục **A K1** cho **L1** vay tiền, **L1** nói có bao nhiêu tiền cứ đưa **L1** vay hết, **L1** sẽ trả lãi. Khi nào cần tiền thì báo trước cho **L1** 4-5 ngày hoặc 1 tuần, **L1** sẽ trả đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi. Tin tưởng thông tin **L1** đưa ra nên ngày 01/01/2023 ông **A K1** đã cho **L1** vay số tiền 150 triệu đồng. **L1** tự đưa ra mức lãi suất là 3.000.000/01 tháng/150.000.000 đồng. **L1** viết giấy mượn tiền vào một cuốn sổ và đưa **A K1** giữ. Quá trình điều tra **L1** khai nhận, thời điểm trên **L1** bị áp lực đòi nợ của rất nhiều người, do không có tiền trả nợ nên đã đưa ra thông tin nêu trên với mục đích để ông **A K1** cho **L1** vay tiền. Sau khi vay được tiền của **A K1** thì **L1** đã dùng một phần để trả nợ, trả lãi cho những chủ nợ cũ, một phần mua thêm hàng hoá, tuy nhiên mua hàng hoá gì thì **L1** không nhớ, cũng không có tài liệu chứng minh. Khi ông **A K1** nhiều lần đến nhà **L1** đòi tiền nhưng **L1** không có tiền để trả cho ông **A K1**. **L1** nói đang gom tiền và bán nhà sẽ ưu tiên trả tiền cho **A K1** nhưng thật tế **L1** không có tiền để trả cho **A K1**. Đến nay **L1** vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho **A K1**.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên **L1** có đưa ta thông tin cần tiền để đáo hạn ngân hàng, vài ngày sau sẽ trả lại để hỏi vay tiền của **Trần Quốc C**. Tin tưởng thông tin **L1** đưa ra nên ngày 2/1/2023 **C** cho **L1** vay số tiền 210 triệu đồng. Khi vay tiền **L1** không đưa ra mức lãi suất cụ thể mà nói khi nào trả tiền gốc thì sẽ trả lãi. Sau khi đưa tiền cho **L1** được vài ngày nhưng không thấy **L1** trả tiền nên **C** đã đòi tiền **L1** nhiều lần. **L1** nhiều lần hẹn ít hôm sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền gốc cũng như lãi suất cho **C**.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên **L1** có đưa ta thông tin cần tiền để đáo hạn ngân hàng, vài ngày sau sẽ trả lại tiền để hỏi vay tiền của ông **Huỳnh Văn T1**. Tin tưởng thông tin **L1** đưa ra nên ngày 07/01/2023 **T1** chuyển khoản cho **L1** vay số tiền 50 triệu đồng. Khi vay tiền **L1** không đưa ra mức lãi suất cụ thể mà nói cho người khác vay để đáo hạn ngân hàng có lãi sẽ chưa lại tiền lãi cho **T1**. Do tin tưởng nên khi cho vay **T1** không yêu cầu **L1** viết giấy vay tiền. Sau tết nguyên đán **T1** đã đòi tiền **L1** nhiều lần nhưng **L1** không có tiền để trả cho **T1**.

Do giữa **Đinh Ngọc L1** và bà **Nguyễn Thị T2** có mối quan hệ quen biết và gần nhà nhau. Trước đây **T2** có vay của **L1** số tiền là 140.000.000 đồng để lên thổ cư thửa đất của **T2**. Sau khi lên được thổ cư **T2** có nhu cầu thế chấp thửa đất của gia đình **T2** vào ngân hàng để vay tiền trả cho **L1** và mua máy móc làm nhà xưởng. **L1** giới thiệu **T2** đến **ngân hàng V3 chi nhánh Đ** để vay tiền. Tại đây **T2** biết **L1** cũng thế chấp bìa đỏ tại **ngân hàng V3** để vay tiền. Ngày 13/1/2023, sau khi **T2** vay được tiền, **L1** đã đến nhà thuyết phục **T2** cho **L1** mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, khi nào **T2** cần tiền **L1** sẽ trả lại. Tin tưởng thông tin **L1** đưa ra nên cùng ngày **T2** đã cho **L1** mượn số tiền 500.000.000 đồng, khi đưa tiền **T2** không viết giấy vay mượn. Vài ngày sau **T2** gọi điện thoại cho **L1** để đòi tiền nhưng **L1** nói chưa có và hẹn qua tết nguyên đán sẽ trả cho **T2**. Qua tết nguyên đán năm 2023 **T2** tiếp tục đòi tiền nhưng **L1** hẹn vài ngày nữa sẽ trả. Lúc này **T2** yêu cầu **L1** viết giấy vay tiền nên giấy vay tiền đề ngày 01/02/2023. Sau đó **T2** nhiều lần đòi tiền nhưng **L1** không có tiền để trả cho **T2**. Do **T2** nhiều lần đòi nợ, **L1** có đưa cho **T2** 6.000.000 đồng để **T2** trả lãi cho ngân hàng.

Tại thời điểm vay tiền của những người nêu trên **L1** nợ tiền rất nhiều người, không có điều kiện, khả năng trả nợ cũng như không có hoạt động kinh doanh, cho vay đáo hạn...nhưng **L1** vẫn đưa ra thông tin gian dối mục đích để những người bị hại cho **L1** vay tiền, sau khi vay được tiền **L1** không dùng tiền vào đúng mục đích đã đưa ra trước đó khi vay tiền mà dùng để trả nợ, trả lãi cho các chủ nợ, chiếm đoạt số tiền vay được của những người bị hại nêu trên.

Tổng số tiền bị can chiếm đoạt của 05 người bị hại là 8.425.200.000đ (Tám tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

1. Về tội danh: bị cáo **Đinh Ngọc L1** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Ngọc L1** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 01/3/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự lãi suất, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2025, bị cáo **Đinh Ngọc L1** kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị: đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo **L1** gồm: có bà nội vợ là mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo cũng dùng tài sản khắc phục cho bị hại **L4** nhưng do tài sản này bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không thực hiện được là ngoài ý chí của bị cáo; bị cáo bị bệnh nặng tại phiên tòa có Bác sĩ trại tạm giam đi theo nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ phần hình phạt cho bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo **L1**: đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ giảm cho bị cáo phần hình phạt như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Ý kiến bị cáo **L1**: xin HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ, gia đình bị cáo thờ bà nội vợ là Mẹ Việt Nam anh hùng, giảm hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình và điều trị bệnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở kết luận: năm 2020-2021 do việc kinh doanh của bị cáo liên tục bị thua lỗ, không

còn khả năng thanh toán nên bị cáo **Đinh Ngọc L1** đã đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của các bị hại là vay tiền để kinh doanh và cho người khác vay lại để đảo hạn ngân hàng, mục đích là thu lợi nhuận dựa trên chênh lệch lãi suất cho vay. Khi vay mượn được tiền của các bị hại, bị cáo không sử dụng vào mục đích đã đưa ra mà dùng để trả cho những người mà bị cáo vay trước đó, trả lãi cho chính khoản vay của mình và chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 05 người bị hại là 8.425.200.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm truy tố, Toà án cấp sơ thẩm kết bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã đồng ý cản trừ căn nhà trả nợ cho bị hại bà **L4** nhưng do nhà đất của bị cáo trước đó đã bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng bị cáo không biết, do vậy không thực hiện được việc cản trừ, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, xét bị cáo **L1** bị bệnh nặng có Bác sĩ đi theo, cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bà nội bên vợ là Mẹ Việt Nam anh hùng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ Luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đinh Ngọc L1**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số

66/2025/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phân hình phạt.

Tuyên:

1. Về tội danh: Bị cáo **Đinh Ngọc L1** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Ngọc L1** 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 01/3/2024.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu.

5. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Dung**